

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bấy; Ông Giáp Văn Phẩm.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2003, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị về gia đình anh T làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, khoảng tháng 10 năm 2015 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bạo hành đối với vợ. Chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ từ cuối năm 2017 đến nay và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ

đó. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/5/2013. Về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau năm 2003, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị D về gia đình tôi làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm công nhân xa nhà, không quan tâm đến anh và các con, không đóng góp kinh tế cho gia đình dẫn đến cuộc sống của anh và các con rất khó khăn, cũng từ khoảng thời gian đó chị D về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, một mình anh phải nuôi hai con nhỏ nên cuộc sống càng khó khăn hơn. Anh và chị D sống ly thân từ ngày 04 tết âm lịch năm 2018 đến nay, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn thì anh nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/5/2013. Vấn đề con chung và cấp dưỡng thì anh và chị D tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị trong hồ sơ vụ án. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, vấn đề cấp dưỡng, về tài sản, công nợ chung chị sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh T, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề này.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T giữ nguyên các lời khai của anh có trong hồ sơ vụ án, anh bổ sung thêm về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị D đi làm công nhân xa nhà có quan hệ với người đàn ông khác. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn mong muốn chị D suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy các con. Trường hợp chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cùng đồng ý. Về con chung và vấn đề cấp dưỡng thì anh nhất trí là để vợ chồng tự thỏa thuận, nếu sau này có tranh chấp về con chung thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Về tài sản, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Do các đương sự tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn T được ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2003, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T phát sinh, kéo dài từ cuối năm 2015 đến cuối năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tình cảm, về kinh tế, thường xảy ra cãi vã, xô sát. Chị T và anh D đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ khoảng đầu năm 2018 đến nay. Hiện mâu thuẫn vợ chồng chị D - anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D có đơn đề nghị xin ly hôn với anh T, anh T cũng nhất trí ly hôn với chị D. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] *Về con chung:* Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T sinh được hai người con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 19/9/2004 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/5/2013. Hiện tại hai con vẫn đang ở cùng anh T, các cháu khỏe

manh, phát triển bình thường. Tại phiên tòa chị D và anh T không cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc các đương sự tự thỏa thuận với nhau các vấn đề trên là tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau này nếu các bên có tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình khác.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị D, anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003415 ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã G, huyện L;
- UBND xã P, huyện L;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn